TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2022
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến;

2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1175/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2022/QĐXX-ST ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2022/QĐST- HNGĐ ngày 23/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thanh Ng, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu phố H, phường A, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp A1, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Mai Thanh Ng trình bày:

Bà Ng và ông Bùi Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ vào ngày 30/10/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, ông T ham mê cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo cho vợ con; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà đã nhiều lần cho ông T cơ hội sửa đổi nhưng ông T không thay đổi. Ông bà hiện không còn sống chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ng và ông T có 01 con chung tên

Bùi Mai Thanh T1, sinh ngày 28/8/2019. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Thanh T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Mai Thanh Ng về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung. Ông thừa nhận có ham mê cờ bạc, không chăm chỉ làm ăn, gây nợ nần nhưng ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con, ông mong muốn bà Ng cho ông cơ hội để ông sửa đổi.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Bùi Mai Thanh T1, sinh ngày 28/8/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn, ông đồng ý để bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mai Thanh Ng nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Bùi Thanh T có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Đ nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ phần trình bày của bà Ng và ông T về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, bà Ng vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông T không đồng ý nhưng không đưa ra biện pháp hàn gắn chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ng và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Mai Thanh Ng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Ng và ông T có 01 con chung Bùi Mai Thanh T1, sinh ngày 28/8/2019. Sau khi ly hôn, bà Ng yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, cháu T1 từ lúc sinh ra đến nay đều sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển khỏe mạnh, toàn diện. Ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà Ng nuôi dưỡng nên căn cứ vào điều kiện của các bên; quyền lợi về mọi mặt và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bùi Mai Thanh T1 cho bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ng trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Mai Thanh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Mai Thanh Ng đối với ông Bùi Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thanh Ng được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Về con chung: Bà Mai Thanh Ng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Mai Thanh T1, sinh ngày 28/8/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Ng không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Mai Thanh Ng phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007421 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Ng đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Uỷ ban nhân dân xã A (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho